

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi Đền tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 23/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Lộc khóa XX, kỳ họp thứ 10 về việc chủ trương đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đền tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc;

Xét Văn bản số 11900/STNMT-BVMT ngày 20/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đền tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1798/Tr-STNMT ngày 28/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đền tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Chủ

dự án) thực hiện tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đàn tề Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc thực hiện tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND TT Vĩnh Lộc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đàn tế Nam Giao
ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đàn tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc.
- Chủ dự án đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc.
- + Người đại diện: Ông Trịnh Tuấn Vũ; Chức vụ: PGĐ phụ trách Ban.
- + Địa chỉ: Khu III, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ chùa Giáng đi đàn tế Nam Giao ra Quốc lộ 45 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc được thực hiện tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc với tổng chiều dài tuyến 1,680km gồm 1 tuyến chính và 6 tuyến nhánh, cụ thể:

+ Tuyến chính: Có chiều dài 845,85m điểm đầu tại chùa Giáng, điểm cuối giao với QL45 tại Km36+199,34.

+ Tuyến nhánh 1: Có chiều dài 155,86m điểm đầu giao với tuyến chính tại Km0+112,09, điểm cuối giao với QL45 tại Km35+855,69.

+ Tuyến nhánh 2: Có chiều dài 199,23m điểm đầu giao với tuyến chính tại Km0+261,34, điểm cuối giao với QL45 tại Km36+013,95.

+ Tuyến nhánh 3: Có chiều dài 164,38m điểm đầu giao với tuyến nhánh 2 tại Km0+72,49, điểm cuối giao với tuyến chính tại Km0+352,17.

+ Tuyến nhánh 4: Có chiều dài 110,64m điểm đầu giao với tuyến nhánh 5 tại Km0+77,84, điểm cuối giao với tuyến chính tại Km0+185,14.

+ Tuyến nhánh 5: Có chiều dài 155,05m điểm đầu giao với tuyến nhánh 1 tại Km0+91,21, điểm cuối giao với tuyến nhánh 2 tại Km0+128,06.

+ Tuyến nhánh 6: Có chiều dài 48,90m điểm đầu giao với tuyến nhánh 1 tại Km0+532,05 điểm cuối giao với đường BTXM hiện trạng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 1,826 km, bao gồm 01 tuyến chính và 06 tuyến nhánh.

- Cải tạo, làm mới kết cấu áo đường mềm bằng bê tông nhựa. Cải tạo rãnh thoát nước dọc hai bên đường hiện trạng. Bó lát vỉa hè đổ bằng bê tông và lát gạch block.

- Thi công đường điện chiếu sáng hai bên đường;

- Thi công xây dựng 04 nút giao, đường ngang, hệ thống thoát nước và thi công hệ thống an toàn giao thông,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng, cụ thể: Từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, phá dỡ, san nền, thi công đường, thi công cầu, thi công cống thoát nước,... hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động trực tiếp đến công nhân thi công, khu vực dân cư gần dự án, hệ thống tiêu thoát nước trong khu vực và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: nước rửa tay chân, vệ sinh cá nhân và tắm giặt, ... Tổng lượng nước thải mỗi ngày là: $Q_{sh} = 3,55m^3/ngày$, trong đó: nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân $1,95m^3/ngày/công\ trường$; nước thải từ quá trình ăn uống $0,36m^3/ngày/công\ trường$; nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) $1,24m^3/ngày$. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Lượng nước thải từ quá trình rửa lớp xe là $15,2 m^3/ngày$. Loại nước này có chứa một lượng đáng kể dầu mỡ và chất rắn lơ lửng.

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có khoảng $79,77m^3/h$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật; hoạt động đào đắp, thi công san nền; hoạt động từ quá trình thi công đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước; hoạt động vận chuyển (bao gồm: vận chuyển đồ thải, sinh khối thực vật phát quang, khối lượng phá dỡ hiện trạng, vận chuyển vật liệu san nền, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng); hoạt động tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công...

- Thành phần, tính chất: chủ yếu là bụi, một số khí thải khác như CO , NO_2 , SO_2 ,... trong đó hàm lượng bụi phát sinh nhiều hơn so với các thông số

còn lại. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của bụi, khí thải không lớn do có nhiều phương pháp có thể ngăn ngừa hạn chế quá trình phát sinh.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường bao gồm thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, bì nilong, giấy, bìa catton, vỏ hộp, ... với tổng lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 29,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng thông thường:

+ Chất thải từ quá trình dọn dẹp thảm thực vật ước tính lượng sinh khối thực vật cần phát quang khoảng 45,87 tấn;

+ Khối lượng đất đào bóc phong hóa và bùn là 16.103,84m³;

+ Chất thải là vật liệu thi công rơi vãi (đất, đá, cát,..) trên công trường là 752,775 tấn.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh khối lượng khoảng 8,0 kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ, vỏ chai đựng dầu nhớt, ...

+ Chất thải lỏng nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng các phương tiện xe, máy móc thi công được nhà thầu thay dầu, bảo dưỡng tại các trung tâm sửa chữa trên địa bàn thực hiện dự án nên lượng dầu thải phát sinh tại dự án hầu như không có.

3.3. Các tác động khác

- Tác động do tiếng ồn, độ rung của các phương tiện cơ giới, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở ảnh hưởng tới các hộ dân tiếp giáp gần khu vực dự án.

- Tác động do chiếm dụng đất lúa: Việc chiếm dụng đất nông nghiệp để làm công trình ảnh hưởng tới hộ dân bị mất đất canh tác.

- Tác động đến tiêu thoát nước khu vực: Việc thi công rãnh thoát nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát nước của khu vực.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông, nút nhà dân ở khu vực gần dự án,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (giai đoạn xây dựng)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được đưa về hố lắng có thể tích 4,0 m³ (kích thước: 2,0m x 1,0m x 2,0m, thành và đáy được

lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm), bố trí gần lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực.

- Nước thải từ quá trình ăn uống được đưa về thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hố tách dầu mỡ có kích thước 1m x 1m x 1m, sau đó nước thải được dẫn về hố lắng tạm. Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải nhà vệ sinh. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (*đại tiện, tiểu tiện*) được xử lý bằng nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (*tần suất 02 ngày/lần*) bằng xe chuyên dụng.

b. Nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe ($15,2\text{m}^3/\text{ngày}$): Được thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm 18m^3 . Sau đó thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực dự án.

- Nước thải rửa dụng cụ thi công ($2,0\text{m}^3/\text{ngày}$): Được thu gom và xử lý tại hố lắng tạm 18m^3 cùng với nước thải rửa lốp bánh xe (vị trí hố lắng bố trí gần cổng ra vào dự án).

Hố lắng kích thước 3m x 4m x 1,5m được thiết kế 2 ngăn, vách lưng để tách dầu mỡ. Thành và đáy bể được phủ lớp vải địa kỹ thuật HPDE. Váng dầu mỡ được thường xuyên thu vớt tập kết cùng chất thải nguy hại dạng lỏng và đem đi xử lý theo quy định.

c. Nước mưa chảy tràn

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi,...

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Không để vật liệu độc hại ngoài trời, đồng thời quản lý dầu, mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tại bãi đỗ thải, đỗ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Khu vực chứa cát, đá xây dựng, xi măng sử dụng bạt phủ kín và sau mỗi lần khi lấy vật liệu phủ bạt ngay để chống phát tán bụi

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Bố trí khu vực rửa xe, máy móc thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường; xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra đường được xịt sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE.

4. 2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Đối với CTR sinh hoạt:

- Trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 50lít/thùng)/công trường tại mỗi vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công;

- Lắp đặt 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 05m³)/công trường đặt tại mỗi lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung;

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b. Đối với CTR xây dựng:

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với lớp đất màu từ quá trình bóc lớp đất phong hóa trên phần diện tích đất trồng lúa được thu gom, tận dụng để phủ đất màu trồng cây trên địa bàn; phần đất đào dư thừa được thu gom cùng khối lượng chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình cũ, vận chuyển về các bãi đổ thải đã được thỏa thuận.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng,... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch,... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 03 thùng chuyên dụng. Trong đó 01 thùng 120 lít/thùng để thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng; 01 thùng dung tích 100 lít chứa chất thải rắn nguy hại; 01 thùng dung tích 50 lít chứa các loại bóng đèn neon và các loại chất thải nguy hại dạng rắn dễ vỡ.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động khác

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

+ Đối với sự cố nứt nhà, hư hỏng đường xá... Yêu cầu sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, nuôi trồng thủy sản theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến việc tiêu thoát nước:

+ Thông báo tới chính quyền địa phương và người dân khu vực về kế hoạch thi công của dự án để UBND thị trấn Vĩnh Lộc và người dân có kế hoạch canh tác, lấy nước, tiêu nước phù hợp trong quá trình thi công dự án.

+ Trước mùa mưa lũ và sau khi hoàn thành công trình phải tháo dỡ, thanh thải vật liệu phế thải, công trình tạm và hoàn trả hiện trạng lòng sông, các hệ thống kênh mương khác...

+ Chấp hành đúng quy định của pháp luật về thủy lợi, phòng, chống thiên tai và pháp luật khác có liên quan, không thực hiện các hoạt động làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục và các hành vi bị nghiêm cấm khác.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

+ Sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực,...

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 2 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.